

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1018/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 891/2020/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 471/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1159/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, thôn P, xã R, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ tạm trú: 46 Đường F, Tổ 24, khu phố T, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã K, huyện P, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ tạm trú: 46 Đường F, Tổ 24, khu phố T, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện tiến tới hôn nhân với ông Lê Anh T vào năm 2018, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 cấp ngày 22/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại 46 đường số 19, Tổ 24, khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đời sống hôn nhân giữa hai bên không hạnh phúc như

mong đợi, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Lê Anh T không lo làm việc, tụ tập ăn nhậu, cờ bạc và đánh chửi vợ, không xem bà L như người vợ mà thường xuyên xúc phạm nhân phẩm. Hai bên đã sống ly thân từ 01 năm 2019 cho đến nay. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, có hàn gắn cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tuấn để ổn định cuộc sống về sau. Giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Anh T có một con chung tên Lê Nguyễn Bảo Vy, sinh ngày 30/12/2018. Bà L yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà Nguyễn Thị L tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, giữa hai bên không có nợ chung.

(2) Bị đơn ông Lê Anh T vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Lê Anh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Lê Anh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Anh T là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Lê Anh T đang cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Anh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đăng ký ngày 22/02/2018 có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Anh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do ông Lê Anh T không lo làm việc, tụ tập ăn nhậu, cờ bạc và đánh, chửi và thường xuyên xúc phạm nhân phẩm của bà L, hai bên đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, từ khi hai bên sống ly thân, cũng như từ khi nhận được thông báo bà Nguyễn Thị L nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng ông Lê Anh T vẫn không có thiện chí hòa giải để các bên đoàn tụ, không quan tâm kết quả Tòa án giải quyết như thế nào. Xét thấy, hai bên không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Anh T thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 13/TLKS-BS ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị L và ông Lê Anh T có một người con chung tên Lê Nguyễn Bảo Vy, sinh ngày 30/12/2018. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu được nuôi con của bà Nguyễn Thị L là nguyên vọng chính đáng và phù hợp với quy định của điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu ông Lê Anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị L tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Anh T.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Lê Nguyễn Bảo Vy, sinh ngày 30/12/2018 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu ông Lê Anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị L tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0057744 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên